

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 18/2024/HNGĐ-GĐT

Ngày: 18/06/2024

V/v: “Tranh chấp chia

tài sản chung sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm có:* 08 thành viên tham gia xét xử, do ông Phan Thanh Tùng-Phó Chánh án làm chủ tọa phiên tòa theo sự ủy nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

*Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Đức Thiện, Thư ký viên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* ông Trần Đăng Ry, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn” giữa các đương sự:

*1/Nguyên đơn:*

Ông Trung Thanh T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện của ông Trung Thanh T (văn bản ủy quyền ngày 27/12/2021):*

Ông Trần Phước T1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

*2/Bị đơn:*

Bà Nguyễn Yến N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện của bà Nguyễn Yến N (văn bản ủy quyền ngày 07/01/2022):*

Bà Hồ Huỳnh Tố H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 45H Lê Duẩn, khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

*3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B;

Địa chỉ: đường N, xóm G, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trung Thanh T như sau:*

Ông Trung Thanh T (ông T) và bà Nguyễn Yến N (bà N) trước kia là vợ-chồng, hiện nay đã ly hôn (quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, số 96/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/09/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu).

Trước khi ly hôn, ông T và bà N lập giấy thỏa thuận phân chia tài sản (ghi ngày 27/08/2018), có sự xác nhận của T2 ấp Giồng Bướm A và Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện V, như sau: phần đất có diện tích 15.409m<sup>2</sup> (gồm có 04 thửa đất: thửa số 456 = 3.438m<sup>2</sup>; thửa số 457 = 2.944m<sup>2</sup>; thửa số 531 = 5.485m<sup>2</sup>; thửa số 563 = 3.542m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 286127) và phần đất có diện tích 3.050m<sup>2</sup> (đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 496674) sẽ chia thành 03 phần bằng nhau cho 03 người, là ông T và hai người con (tên là Trung Thị Lan V và Trung Gia B); ai là người nuôi con thì sẽ được toàn quyền sử dụng 02 phần đất, nhưng không được bán cho người khác; khi nào hai người con đủ 18 tuổi, thì phải giao lại đất; số tiền còn lại, ông T dùng để xây nhà.

Sau khi ký kết thỏa thuận nói trên, ông T và bà N đã chuyển nhượng phần đất 3.050,3m<sup>2</sup> cho người khác. Về phần đất 15.409m<sup>2</sup> (gồm có 04 thửa đất: thửa số 456 = 3.438m<sup>2</sup>; thửa số 457 = 2.944m<sup>2</sup>; thửa số 531 = 5.485m<sup>2</sup>; thửa số 563 = 3.542m<sup>2</sup>), bà N đã làm thủ tục tặng-cho ông T thửa đất số 531 và ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) vào ngày 21/09/2018.

Như vậy, hiện nay còn lại 03 thửa đất số 456, 457 và 563 (tổng diện tích là 9.924m<sup>2</sup>, nhưng diện tích đo đạc thực tế là 7.686,2m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 3, do bà N đứng tên chủ sử dụng, chưa làm thủ tục chuyển tên cho hai người con.

Vì vậy, ông T khởi kiện, yêu cầu Tòa án công nhận văn bản thỏa thuận ngày 27/08/2018 là hợp pháp và công nhận QSDĐ cho hai người con đối với 03 thửa đất số 456, 457 và 563, tổng diện tích đo đạc thực tế là 7.686,2m<sup>2</sup> (thửa 456 = 1.110,6m<sup>2</sup>; thửa 457 = 2.971,9m<sup>2</sup>; thửa 563 = 3.603,7m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Đối với yêu cầu phản tố ông T không đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố của bà N. Bởi đối với yêu cầu phản tố của bà N về hủy hợp đồng tặng cho giữa bà N và ông T tại thửa đất số 531, tờ bản đồ số 03, diện tích 5.485m<sup>2</sup> thì các bên đã hoàn thành việc chuyển quyền sử dụng đất và ông T đã quản lý, sử dụng cho đến nay.

Đối với yêu cầu chia khoản tiền 360.000.000 đồng từ việc chuyển nhượng phần đất diện tích 3.050,3m<sup>2</sup> cho bà Trần Thị Thúy H1 và 100.000.000 đồng để cất nhà thì hiện nay ông T không còn quản lý. Hai khoản tiền này là tài sản mà ông T và bà N đã thỏa thuận phân chia khi ly hôn và ông T đã sử dụng để kinh doanh tiệm cầm đồ và trang trải chi phí sinh hoạt cho gia đình.

*Ý kiến của bà Nguyễn Yến N đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trung Thanh T, như sau:*

Bà N đồng ý với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, về quá trình ly hôn và về giấy thỏa thuận phân chia tài sản ghi ngày 27/08/2018.

Nhưng về việc lập giấy thỏa thuận ngày 27/08/2018 và việc chuyển nhượng QSDĐ (cho ông T), thì bà N trình bày lý do như sau:

-Vào năm 2018, vợ-chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống. Ông T không đồng ý ly hôn và đặt ra điều kiện rằng nếu muốn ly hôn, thì bà N phải giao lại toàn bộ tài sản (tài sản riêng của bà N và tài sản chung vợ-chồng) cho ông T và cho hai người con. Trong hoàn cảnh như vậy, vì thấy rằng không thể tiếp tục sống chung (với ông T) và cũng vì không hiểu biết pháp luật, nên bà N mới đồng ý ký kết giấy tờ, để lại toàn bộ tài sản riêng và tài sản chung (của vợ-chồng) cho ông T và cho hai người con, kèm điều kiện ràng buộc ông T phải xây cất nhà cho con.

Vì thỏa thuận như vậy, bà N mới đồng ý chuyển cho ông T thửa đất số 531, tờ bản đồ số 03, diện tích là 5.485m<sup>2</sup>. Sau đó, ông T yêu cầu bà N phải chuyển nhượng phần đất 3.050,3m<sup>2</sup> cho bà Trần Thị Thúy H1, với giá là 360.000.000 đồng (để ông T lấy tiền xây cất nhà).

Nhưng kể từ khi nhận đất và nhận tiền (bán đất) cho đến nay, ông T vẫn không xây cất nhà cho con, mà sống tại nhà của mẹ của bà N (là bà Nguyễn Thị C) cho mượn.

Vì vậy, bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và có yêu cầu (phản tố) như sau:

-Yêu cầu hủy giấy thỏa thuận phân chia tài sản lập ngày 27/08/2018; hủy hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất ngày 04/09/2018; yêu cầu chia đôi tài sản chung, là số tiền 360.000.000 đồng (do chuyển nhượng đất cho bà H1) và số tiền 100.000.000 đồng do ông T quản lý;

-Yêu cầu ông T cùng có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng N1, số tiền 330.000.000 đồng;

-Yêu cầu ông T giao trả thửa đất số 563 (diện tích đo đạc thực tế là 3.603,7m<sup>2</sup>) và thửa đất số 457 (diện tích đo đạc thực tế là 2.971,9m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V; yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ mà ông T đứng tên chủ sử

dụng thửa đất số 531 (diện tích đo đạc thực tế là 5.580,5m<sup>2</sup>) và phải giao trả lại phần đất này; yêu cầu chia đôi thửa đất số 456, tờ bản đồ số 3 (diện tích đo đạc thực tế là 1.110,6m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của bà N rút lại những yêu cầu phản tố sau đây:

-Yêu cầu ông T cùng liên đới trả nợ cho ngân hàng N1 (số tiền nợ là 330.000.000 đồng);

-Yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ mà ông T được cấp đối với thửa đất số 531, tờ bản đồ số 3, ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B không nêu ý kiến của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập họp lệ để tham gia quá trình tố tụng tại Tòa án.*

Tại bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 67/2022/HNGĐ-ST ngày 19/09/2022, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử như sau (tóm tắt):

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trung Thanh T;

1.1/Công nhận giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 27/08/2018 giữa ông T với bà N cho cháu Trung Thị Lan V và Trung Gia B;

1.2/Xác định diện tích đất tranh chấp gồm 3.603,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 563; 2.971,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 457; 1.110,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 456 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 20/05/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V thuộc quyền sử dụng của cháu Trung Thị Lan V (sinh ngày 28/09/2006) và cháu Trung Gia B (sinh ngày 23/05/2009) với người đại diện theo pháp luật là ông T;

1.3/Cháu Trung Thị Lan V và cháu Trung Gia B (người đại diện theo pháp luật là ông T) có quyền xác lập quyền sử dụng đất đối với những thửa đất nêu tại mục 1.2 nói trên.

2/Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Yến N về những phần sau đây: về phần đòi ông T liên đới trả nợ cho ngân hàng N1 số tiền 330.000.000 đồng và đòi hủy giấy CNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông T vào ngày 21/09/2018 đối với thửa đất số 531, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V.

3/Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N về những phần sau đây:

-Đòi hủy giấy thỏa thuận phân chia tài sản ghi ngày 27/08/2018;



-Đòi ông T trả lại thửa đất số 563, tờ bản đồ số 03 (diện tích đo đạc thực tế là 3.603m<sup>2</sup>) và thửa đất số 457, tờ bản đồ số 03 (diện tích đo đạc thực tế là 2.971,9m<sup>2</sup>) tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu;

-Đòi hủy hợp đồng tặng-cho quyền sử dụng đất ngày 04/09/2018 xác lập giữa bà N và ông T đối với thửa đất số 531, tờ bản đồ số 03 (diện tích đo đạc thực tế là 5.580,5m<sup>2</sup>) và đòi ông T trả lại phần đất này;

-Đòi chia đôi tài sản chung là số tiền 360.000.000 đồng (tiền chuyển nhượng phần đất có diện tích 3.050,3m<sup>2</sup> cho bà Trần Thị Thúy H1) đòi chia đôi số tiền 100.000.000 đồng, mà bà N cho rằng là tài sản chung của vợ-chồng;

-Đòi chia đôi thửa đất số 456, tờ bản đồ số 03 (đất trồng cây lâu năm), diện tích là 1.110,6m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định. Sau đó, vào ngày 02/02/2023, Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định số 01/2023/QĐ-SCBSBA để sửa chữa những sai sót về số liệu khi tính toán về án phí mà đương sự phải chịu).

Vào ngày 04/10/2022, bà N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại bản án Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm số 16/2022/HNGĐ-PT ngày 14/12/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử như sau (tóm tắt):

-Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà N; sửa bản án sơ thẩm về những phần sau đây:

1/Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà N đòi công nhận giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 27/08/2018 xác lập giữa ông T với bà N;

2/Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N đòi hủy giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 27/08/2018 xác lập giữa ông T với bà N;

3/Hủy giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 27/08/2018 xác lập giữa ông T với bà N;

4/Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của bà N đối với ông T;

5/Chia giao cho bà N tài sản các thửa đất có diện tích 6.575,6m<sup>2</sup>, bao gồm thửa 563, diện tích 3.603,7m<sup>2</sup>; thửa 457, diện tích 2.971,9m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; những phần đất này, hiện nay ông T đang canh tác trồng lúa, đến ngày 24/03/2023 thu hoạch; buộc ông T thu hoạch lúa đến hết ngày 30/03/2023, thì phải giao những phần đất này cho bà N;

6/Chia giao cho ông T thửa đất số 456, diện tích là 1.110,6m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (hiện trạng là đất trồng cây lâu năm do ông T quản lý, sử dụng) theo Trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp ngày

20/05/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện V, tỉnh Bạc Liêu, là một phần không tách rời của bản án.

7/Chia đôi số tiền mà ông T quản lý là 460.000.000 đồng (gồm tiền chuyển quyền sử dụng đất, là 360.000.000 đồng và lợi nhuận từ việc canh tác lúa, là 100.000.000 đồng); bà N được chia 230.000.000 đồng, ông T được chia 230.000.000 đồng;

8/Buộc bà N trả lại cho ông T 40% giá trị đất, diện tích 6.575,6m<sup>2</sup> với số tiền là 152.553.920 đồng; buộc ông T trả lại 50% giá trị đất, diện tích là 1.110,6m<sup>2</sup> cho bà N với số tiền là 222.120.000 đồng và trả số tiền mặt được chia (230.000.000) đồng cho bà N; bù trừ nghĩa vụ giữa hai bên, ông T còn phải trả cho bà N số tiền là 299.566.080 đồng;

9/Ông Tươi có quyền xác lập quyền SDD đối với phần đất được chia, nêu tại mục 6 nói trên.

10/Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà N đòi ông T liên đới trả nợ cho ngân hàng Nông nghiệp và N1 số tiền 330.000.000 đồng và đòi hủy giấy CNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông T ngày 21/09/2018 đối với thửa đất số 531, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(bản án phúc thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí, về quyền và nghĩa vụ thi hành án).

Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực, vào ngày 09/01/2023, Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định số 01/2023/QĐ-SCBSBA để sửa chữa những sai sót về số liệu khi tính toán về án phí mà đương sự phải chịu.

Tại quyết định số 04/QĐ-VKS-DS ngày 14/12/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án phúc thẩm nói trên, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án HN&GD phúc thẩm số 16/2022/HNGĐ-PT ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu và giữ nguyên bản án HN&GD sơ thẩm số 67/2022/HNGĐ-ST ngày 19/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;

Lý do như sau:

-Giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 27/08/2018 xác lập giữa ông T với bà N, là giao dịch hợp pháp (thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của vợ-chồng), cần phải được công nhận;

-Trong thực tế, trước khi ly hôn, hai đương sự đã thực hiện sự thỏa thuận phân chia tài sản theo giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 27/08/2018 và ông T là người trực tiếp chiếm hữu, sử dụng những phần đất tranh chấp.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Ông Trung Thanh T và bà Nguyễn Yến N là vợ-chồng, có hai người con chung là Trung Thị Lan V (sinh vào ngày 28/09/2006) và Trung Gia B (sinh vào ngày 23/05/2009).

[2] Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, số 96/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/09/2018, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã công nhận sự thỏa thuận của ông Trung Thanh T và bà Nguyễn Yến N như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: ông Trung Thanh T và bà Nguyễn Yến N thuận tình ly hôn;

-Về việc nuôi dưỡng con chung: ông Trung Thanh T nuôi dưỡng hai người con là Trung Thị Lan V (sinh vào ngày 28/09/2006) và Trung Gia B (sinh vào ngày 23/05/2009); ông Trung Thanh T không yêu cầu bà Nguyễn Yến N cấp dưỡng nuôi con;

-Về việc phân chia tài sản chung: ông Trung Thanh T và bà Nguyễn Yến N tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, số 96/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/09/2018 nói trên, đang có hiệu lực pháp luật.

[3] Sau khi ly hôn, cho đến hiện nay, ông Trung Thanh T và bà Nguyễn Yến N đang tranh chấp về tài sản có được trong thời kỳ hôn nhân của họ, cụ thể là những tài sản sau đây:

-Số tiền 360.000.000 đồng (xuất phát từ việc bán đất cho bà Trần Thị Thúy H1, sau khi hai bên ly hôn) và số tiền 100.000.000 đồng (lợi nhuận từ việc ông Trung Thanh T canh tác trên phần đất tranh chấp);

-Những thửa đất sau đây: thửa số 456; thửa số 457; thửa số 531; thửa số 563, tờ bản đồ số 3, cùng tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Việc tranh chấp tài sản giữa ông Trung Thanh T và bà Nguyễn Yến N đã được Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xét xử xong (những bản án viện dẫn nói trên).

Xét thấy, việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật; lý do như sau:

[4.1] Vào ngày 27/08/2018, khi chưa ly hôn, ông Trung Thanh T và bà Nguyễn Yến N thiết lập “*Giấy thỏa thuận phân chia tài sản*”; văn bản này có sự xác nhận

của ông Trương Thanh T3 (trưởng ấp G, xã C) và xác nhận của UBND xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu vào cùng ngày 27/08/2018; nội dung của văn bản này như sau:

-Phần đất có diện tích là 4.413m<sup>2</sup> (giấy CNQSDĐ số CM314658) và phần đất có diện tích là 1.352m<sup>2</sup> (giấy CNQSDĐ số 314659), cùng với số tiền mặt 33.000.000 đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị C (là mẹ của bà Nguyễn Yến N);

-Những phần đất còn lại, gồm có: phần đất có diện tích là 15.409m<sup>2</sup> (gồm các thửa đất số 456, 457, 531, 563, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, theo giấy CNQSDĐ số 286127) và phần đất có diện tích 3.050m<sup>2</sup> (đất tọa lạc tại ấp G, xã C, huyện V, theo giấy CNQSDĐ số BI 496674) sẽ được chia làm 03 (ba) phần bằng nhau cho 03 (ba) người, là: ông Trung Thanh T, cháu Trung Thị Lan V và cháu Trung Gia B; ông Trung Thanh T hoặc bà Nguyễn Yến N, người nào trực tiếp nuôi con, sẽ được quyền quản lý hai phần đất chia cho hai người con; khi nào hai người con đủ 18 tuổi, thì phải giao lại (QSDĐ).

[4.2]Sau khi thiết lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản, hai đương sự tiếp tục thực hiện thủ tục ly hôn tại Tòa án và được công nhận ly hôn theo quyết định số 96/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/09/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Tại quyết định này, ngoài việc công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trung Thanh T và bà Nguyễn Yến N, Tòa án còn ghi nhận rằng hai đương sự sẽ tự phân chia tài sản của nhau.

[4.3]Về mặt pháp lý, ông Trung Thanh T và bà Nguyễn Yến N được toàn quyền quyết định về việc phân chia tài sản mà họ có được trong thời kỳ hôn nhân, bất kể tài sản đó thuộc quyền sở hữu riêng/chung của vợ-chồng. Sự thỏa thuận phân chia tài sản đó, sẽ được công nhận là hợp pháp, xét trên cả phương diện hình thức và thực tế thực hiện, chiếu theo Điều 29; Điều 33; Điều 35; Điều 43; Điều 44 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét về hình thức, việc phân chia tài sản đã được đương sự thiết lập thành văn bản ngày 27/08/2018, dựa trên sự tự nguyện của hai bên, có xác nhận của T2 ấp và của U.

Xét về nội dung, sau khi thiết lập văn bản phân chia tài sản (ngày 27/08/2018) và sau khi ly hôn (ngày 19/09/2018), hai bên đương sự đã thực hiện sự thỏa thuận phân chia tài sản của mình, như sau:

-Chuyển nhượng phần đất có diện tích 3.050m<sup>2</sup> (đất tọa lạc tại ấp G, xã C, huyện V, theo giấy CNQSDĐ số BI 496674) cho bà Trần Thị Thúy H1 với giá 360.000.000 đồng, giao cho ông Trung Thanh T sử dụng;

-Chuyển nhượng thửa đất số 531, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V cho chính ông Trung Thanh T và đương sự đã đứng tên chủ sử dụng theo giấy CNQSDĐ số CP384143 (số vào sổ cấp giấy CN: 05181) ngày 21/09/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp;

-Những thửa đất còn lại (thửa đất số 456, 457, 563, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V), do ông Trung Thanh T trực tiếp quản lý, sử dụng;

Xét về mặt thực tế diễn biến của vụ án phân tích nói trên, có căn cứ kết luận rằng sau khi thiết lập văn bản thỏa thuận chia tài sản và sau khi ly hôn, ông Trung Thanh T và bà Nguyễn Yến N đã thực hiện việc phân chia tài sản của mình theo đúng văn bản ngày 27/08/2018. Cho đến ngày nay, chỉ còn những thửa đất số 456, 457, 563, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, (do bà Nguyễn Yến N đứng tên chủ sử dụng) chưa làm thủ tục chuyển tên cho hai người con (là cháu Trung Thị Lan V và cháu Trung Gia B); ông Trung Thanh T đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng những thửa đất này.

[5] Với những tài liệu, chứng cứ và diễn biến của vụ án phân tích, chứng minh nói trên, thì có căn cứ để kết luận rằng việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm (bằng bản án số 67/2022/HNGĐ-ST ngày 19/09/2022), là đúng pháp luật.

Tuy nhiên, xét thấy cách dùng từ của Tòa án cấp sơ thẩm tại Tiểu mục 1.2 Mục 1 của phần “*Quyết định*” của bản án sơ thẩm có thể gây nhầm lẫn về quyền sử dụng thửa đất số 456, 457, 563, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, cần thiết phải sửa chữa, bổ sung;

Lý do như sau:

-Tại Tiểu mục 1.2 Mục 1 của phần “*Quyết định*”, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên như sau: “*Xác định diện tích đất tranh chấp gồm 3.603,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 563; 2.971,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 457; 1.110,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 456 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 20/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V thuộc quyền sử dụng của cháu Trung Thị Lan V, sinh ngày 28/9/2006 và cháu Trung Gia B, sinh ngày 23/5/2009 với người đại diện theo pháp luật là anh Trung Thanh T, đất có vị trí và số đo như sau:.....*”.

Tòa án cấp sơ thẩm dùng giới từ “...với...” sau đoạn văn xác định về quyền sử dụng đất của hai cháu Trung Thị Lan V và cháu Trung Gia B, sẽ gây nhầm lẫn rằng ông Trung Thanh T là người cùng có quyền sử dụng đất (các thửa đất số 456, 457, 563) chung với hai người con; điều này sẽ gây khó khăn về mặt pháp lý, khi hai người con đủ 18 tuổi và có yêu cầu tự riêng mình đứng tên quyền sử dụng các thửa đất vừa nêu.



Vì vậy, đoạn văn nói trên cần được sửa chữa, bổ sung lại như sau:

*“Xác định diện tích đất tranh chấp gồm 3.603,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 563; 2.971,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 457; 1.110,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 456 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 20/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V thuộc quyền sử dụng của cháu Trung Thị Lan V, sinh ngày 28/9/2006 và cháu Trung Gia B, sinh ngày 23/5/2009 (người đại diện theo pháp luật là anh Trung Thanh T), đất có vị trí và số đo như sau:.....”.*

[6]Về việc thi hành bản án:

Sau khi bản án Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm số 16/2022/HNGĐ-PT ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu có hiệu lực pháp luật, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vĩnh Lợi đã thi hành một phần bản án này (chiếu theo văn bản số 64/CV-CCTHADS ngày 06/02/2024 gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Như vậy, khi quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật, thì cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền sẽ phải tổ chức thi hành án lại, theo đúng bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 67/2022/HNGĐ-ST ngày 19/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 337; Điều 342; Điều 343; Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;*

1/Chấp nhận kháng nghị số 04/QĐ-VKS-DS ngày 14/12/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Hủy bản án Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm số 16/2022/HNGĐ-PT ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (kèm theo quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm, số 01/2023/QĐ-SCBSBA ngày 09/01/2023); giữ nguyên bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 67/2022/HNGĐ-ST ngày 19/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (kèm theo quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm, số 01/2023/QĐ-SCBSBA ngày 02/02/2023), nhưng có sửa chữa, bổ sung cách tuyên án tại Tiêu mục 1.2 Mục 1 của phần *“Quyết định”* của bản án sơ thẩm, như sau:

*“Xác định diện tích đất tranh chấp gồm 3.603,7m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 563; 2.971,9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 457; 1.110,6m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 456 cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu theo Trích đo hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 20/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai*

*huyện V thuộc quyền sử dụng của cháu Trung Thị Lan V, sinh ngày 28/9/2006 và cháu Trung Gia B, sinh ngày 23/5/2009 (người đại diện theo pháp luật là anh Trung Thanh T), đất có vị trí và số đo như sau:.....”.*

(giữ nguyên những phần khác của phần “*Quyết định*” của bản án sơ thẩm).

3/Những phần nào của bản án Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm số 16/2022/HNGĐ-PT ngày 14/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu mà cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền đã thi hành, khác với bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 67/2022/HNGĐ-ST ngày 19/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, thì phải tổ chức thi hành án lại theo đúng bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 67/2022/HNGĐ-ST ngày 19/09/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; việc tổ chức thi hành án thực hiện theo Luật Thi hành án Dân sự hiện hành và những văn bản quy phạm pháp luật khác về thi hành án Dân sự có liên quan.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

***Nơi nhận:***

- Đ/c Chánh án;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- Vụ PC&QLKH;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND H.Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS H.Vĩnh Lợi;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng GDKT III, HS; THS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Tùng**